

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2017/LĐ-ST

Ngày 24-8-2017

V/v “*Tranh chấp tiền lương, bảo hiểm xã hội*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Châu
2. Ông Mai Trương Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Liên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2017/TLST-LĐ ngày 21 tháng 3 năm 2017, về việc “*Tranh chấp bảo hiểm xã hội*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2017/QĐ-HPT ngày 25 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Đồng Nguyên đơn:

1.1. Ông **Trần Quốc C**, sinh năm: 1987, địa chỉ: Tổ x, ấp y, xã z, huyện TT, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt)

1.2. Ông **Lê Văn V**, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm x1, xã y1, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

1.3. Ông **Lý Hoàng Thái H**, sinh năm: 1986, địa chỉ: x2, Kp y2, xã z2, huyện TT, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (Có mặt)

Người được ủy quyền: Nguyễn Thị Ngọc A, Trú tại: x2, Kp y2, xã z2, huyện TT, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (Vắng mặt)

1.4. Ông **Nguyễn Thanh C**, sinh năm: 1964, địa chỉ: x3, đường y3, phường z3, quận GV, thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt)

1.5. Ông **Lê Ngọc A**, sinh năm: 1990, địa chỉ: Ấp x4, xã y4, huyện TT, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; (Có mặt)

1.6. Ông **Trần Vũ Hoàng L**, sinh năm: 1983, địa chỉ: thôn x5, xã y5, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; (Có mặt)

1.7. Ông **Phạm Hồng C**, sinh năm: 1971, trú tại: Tổ x6, ấp y6, xã z6, huyện TT, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; (Có mặt)

1.8. Ông **Võ Văn P**, sinh năm: 1992, trú tại: Ấp x7, xã y7, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; (Có mặt)

1.9. Ông **Mai Hoàng S**, sinh năm: 1985, trú tại: Tổ x8, ấp y8, xã z8, huyện ĐĐ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; (Có mặt)

1.10. Ông **Lê Văn C**, sinh năm: 1962, trú tại: Tổ x9, ấp y9, xã z9, huyện TT, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; (Có mặt)

1.11. Ông **Nguyễn T**, sinh năm: 1964, trú tại: Tổ x10, ấp y10, xã z10, huyện TT, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; (Có mặt)

1.12. Ông **Trần Thanh T**, sinh năm: 1987, trú tại: Ấp xx1, xã yy1, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; (Có mặt)

1.13. Ông **Nguyễn P**, sinh năm: 1984, trú tại: Tổ xx2, ấp yy2, xã zz2, huyện TT, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (Có mặt)

1.14. Ông **Vi Đại Trung K**, sinh năm: 1984, trú tại: Tổ xx3, ấp yy3, xã zz3, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; (Có mặt)

1.15. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1992, trú tại: Ấp xx4, xã yy4, huyện TT, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty cổ phần thép Q

Địa chỉ công ty: Khu công nghiệp MX , huyện TT, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông DR, trú tại KPxx5, huyện TT, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Công ty) (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Địa chỉ: 401, Trương Công Định, phường 7, Tp Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Người đại diện hợp pháp:

Người đại diện theo pháp luật Ông Trần Duy H, Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Hồng H (Vắng mặt)

3. *Người làm chứng:* Bà **Bùi Thị Th**, sinh năm 1983, trú tại: Ấp xx6, xã yy6, huyện TT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng đồng nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Quốc C, ông Lê Văn V, ông Lý Hoàng Thái H, ông Nguyễn Thanh C, ông Lê Ngọc A, ông Trần Vũ Hoàng L, ông Phạm Hồng C, ông Võ Văn P, ông Mai Hoàng S, ông Lê Văn C, ông Nguyễn T, ông Trần Thanh T, ông Nguyễn P, ông Vi Đại Trung K, ông Nguyễn Văn T và Công ty cổ phần thép Q (Sau đây gọi tắt là Công ty Q) ký các hợp đồng lao động không xác định thời hạn, cụ thể như sau:

1.1 Nguyên đơn ông Trần Quốc C trình bày:

- Ông Trần Quốc C và **Công ty Q** giao kết bằng Hợp đồng lao động số Q000267-2014 ngày 09-10-2014, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Theo hợp đồng ông được phân công làm bảo trì kỹ thuật điện thuộc đội sản xuất, sau đó chuyển sang làm nhân viên thu mua. Mức lương khởi điểm của ông Quốc là 4.200.000 đồng, theo Phụ lục hợp đồng ngày 01/5/2016, đến trước khi nghỉ việc, ông được trả là 6.400.000 đồng/1 tháng. Ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hàng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng ông không bị kỷ luật và thực hiện đúng công việc, nhiệm vụ được giao.

Nay **ông Quốc C** yêu cầu Công ty Q trả cho ông 30% lương tháng 8 là 1.920.000 đồng, lương tháng 9, tháng 10/2016 là 12.800.000 đồng, trả lương từ ngày 21/10/2016 đến ngày 14/11/2016 (tính theo mức lương cơ bản là 6.400.000 đồng). Yêu cầu Công ty Q đóng và chốt bảo hiểm xã hội từ tháng 05-2015 đến tháng 11-2016, theo đúng quy định.

1.2 Nguyên đơn Lê Văn V trình bày:

- Ông Lê Văn V và Công ty Q giao kết bằng Hợp đồng lao động số Q000890109 ngày 21-9-2009, loại hợp đồng với thời hạn 01 năm. Đến ngày 01-11-2009, ông và Công ty Q chuyển sang ký hợp đồng không xác định thời hạn số Q000890109. Theo hợp đồng ông được phân công tổ trưởng Đội lắp. Mức lương khởi điểm của ông là 5.500.000 đồng, theo Phụ lục hợp đồng ngày 01/6/2016, đến

trước khi nghỉ việc, ông được trả là 10.800.000 đồng/1 tháng. Ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng ông không bị kỷ luật và thực hiện đúng công việc, nhiệm vụ được giao.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty Q trả lương tháng 9, tháng 10/2016 + tiền phụ cấp và tăng ca: 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) (được làm tròn).

Yêu cầu Công ty Q đóng và chốt bảo hiểm xã hội từ tháng 05-2015 đến tháng 11-2016, theo đúng quy định.

1.3 Nguyên đơn ông Lý Hoàng Thái H trình bày:

- Ông Lý Hoàng Thái H và Công ty Q giao kết bằng Hợp đồng lao động số Q000746 – 2013 ngày 09-5-2013, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Theo hợp đồng ông được phân công nhân viên IT. Mức lương khởi điểm của ông là 7.500.000 đồng, đến trước khi nghỉ việc thì theo Phụ lục hợp đồng ngày 01-8-2016, mức lương là 10.700.000 đồng/1 tháng. Ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng ông không bị kỷ luật và thực hiện đúng công việc, nhiệm vụ được giao.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty Q trả cho ông 30% lương tháng 8 là 3.210.000 đồng, lương tháng 9, tháng 10/2016 + tiền phụ cấp và tăng ca là 21.400.000 đồng, trả lương từ ngày 21/10 đến ngày 14/11/2016 là 8.200.000 đồng. Yêu cầu Công ty Q đóng và chốt bảo hiểm xã hội từ tháng 05-2015 đến tháng 11-2016, theo đúng quy định.

1.4 Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh C trình bày:

- Ông Nguyễn Thanh C và Công ty Q giao kết bằng Hợp đồng lao động số Q00004 – 2013 ngày 01-01-2013, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Theo hợp đồng ông được phân công làm Tổ trưởng an toàn. Mức lương khởi điểm của ông là 6.500.000 đồng, đến trước khi nghỉ việc thì theo Phụ lục hợp đồng ngày 01-6-2016, mức lương là 8.500.000 đồng/1 tháng. Ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng ông không bị kỷ luật và thực hiện đúng công việc, nhiệm vụ được giao.

Ông yêu cầu Công ty Q trả lương tháng 9, tháng 10/2016 + tiền phụ cấp và tăng ca làm tròn số là 25.000.000 đồng. Yêu cầu Công ty Q đóng và chốt bảo hiểm xã hội từ tháng 05-2015 đến tháng 11-2016, theo đúng quy định.

1.5 Nguyên đơn ông Lê Ngọc A trình bày:

- Ông Lê Ngọc A bắt đầu vào làm việc cho Công ty Q vào tháng 10/2014; tại thời điểm ký hợp đồng với thời hạn là 01 năm, sau khi hết thời hạn ông ký tiếp hợp đồng xác định thời hạn là 01 năm. Ngày 30-8-2016, ông Lê Ngọc A và Công ty Q giao kết bằng Hợp đồng lao động số Q01501 – 2016 ngày 30-8-2016, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Theo hợp đồng ông được phân công làm làm Thợ hàn thuộc Đội sản xuất. Mức lương khởi điểm của tôi là 3.200.000 đồng, đến trước khi nghỉ việc thì theo Phụ lục hợp đồng ngày 30/8/2016 ông được trả là 6.160.000 đồng/1 tháng. Ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng ông không bị kỷ luật và thực hiện đúng công việc, nhiệm vụ được giao.

Ông yêu cầu Công ty Q trả lương tháng 9, tháng 10/2016 + tiền phụ cấp và tăng ca là 11.372.300 đồng, trả 20 ngày lương của tháng 11 là 4.738.000 đồng. Yêu cầu Công ty Q đóng và chốt bảo hiểm xã hội từ tháng 05-2015 đến tháng 11-2016, theo đúng quy định.

1.6 Nguyên đơn ông Trần Vũ Hoàng L trình bày:

Ông bắt đầu vào làm việc cho Công ty Q vào ngày 09/11/2012; tại thời điểm ký hợp đồng với thời hạn là 01 năm, sau khi hết thời hạn tôi ký tiếp hợp đồng xác định thời hạn là 01 năm. Ngày 10-01-2015, ông và Công ty Q giao kết bằng Hợp đồng lao động số Q01120 – 2015 ngày 10-01-2015, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Theo hợp đồng ông được phân công làm làm kỹ sư thiết kế thuộc Phòng thiết kế. Mức lương khởi điểm của ông là 7.000.000 đồng, đến trước khi nghỉ việc thì theo phụ lục hợp đồng ngày 10/01/2015, ông được trả là 9.300.000 đồng/1 tháng. Ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng ông không bị kỷ luật và thực hiện đúng công việc, nhiệm vụ được giao.

Nay ông yêu cầu Công ty Q trả 30% lương tháng 8 và tiền khám bệnh là 5.894.000 đồng + 10.914.967 đồng, lương tháng 9, tháng 10/2016 + tiền phụ cấp và tăng ca 17.446.000 đồng, trả lương từ ngày 21/10 đến ngày 14/11/2016 . Đóng và chốt sổ bảo hiểm từ tháng 5-2014 đến tháng 11-2016.

1.7 Nguyên đơn ông Phạm Hồng C trình bày:

Ông bắt đầu vào làm việc cho Công ty Q vào ngày 08/9/2012; tại thời điểm ký hợp đồng với thời hạn là 01 năm, sau khi hết thời hạn tôi ký tiếp hợp đồng xác định thời hạn là 01 năm. Ngày 27-3-2012, ông và Công ty Q giao kết bằng Hợp

đồng lao động số Q00087 – 2012 ngày 27-3-2012, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Khi ký hợp đồng ông được phân công làm thợ lắp. Mức lương khởi điểm của tôi là 3.500.000 đồng, đến trước khi nghỉ việc thì theo phụ lục hợp đồng ngày 21-03-2016 được trả là 5.200.000 đồng/1 tháng. Ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng ông không bị kỷ luật và thực hiện đúng công việc, nhiệm vụ được giao.

Ông yêu cầu Công ty Q trả lương tháng 9, tháng 10/2016 + tiền phụ cấp và tăng ca là 13.759.000 đồng. Yêu cầu Công ty Q đóng và chốt bảo hiểm xã hội từ tháng 05-2015 đến tháng 11-2016, theo đúng quy định.

1.8 Nguyên đơn ông Võ Văn P trình bày:

Ông bắt đầu vào làm việc cho Công ty Q vào ngày 08/9/2012; tại thời điểm ký hợp đồng với thời hạn là 01 năm, sau khi hết thời hạn tôi ký tiếp hợp đồng xác định thời hạn là 01 năm. Ngày 31-01-2013, ông và Công ty Q giao kết bằng Hợp đồng lao động số Q00642 – 2013 ngày 31-01-2013, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Khi ký hợp đồng ông được phân công làm thợ lắp. Mức lương khởi điểm của tôi là 3.200.000 đồng, đến trước khi nghỉ việc thì theo Phụ lục hợp đồng ngày 21-03-2016 ông được trả là 5.500.000 đồng/1 tháng. Ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng ông không bị kỷ luật và thực hiện đúng công việc, nhiệm vụ được giao.

Ông yêu cầu Công ty Q trả lương tháng 9, tháng 10/2016 + tiền phụ cấp và tăng ca là 12.075.800 đồng. Yêu cầu Công ty Q đóng và chốt bảo hiểm xã hội từ tháng 05-2015 đến tháng 11-2016, theo đúng quy định.

1.9 Nguyên đơn ông Mai Hoàng S trình bày:

Ông bắt đầu vào làm việc cho Công ty Q vào ngày 03/7/2012; tại thời điểm ký hợp đồng với thời hạn là 08 tháng, sau khi hết thời hạn ông ký tiếp hợp đồng xác định thời hạn là 01 năm. Ngày 04-4-2014, ông và Công ty Q giao kết bằng Hợp đồng lao động số Q00887 – 2014 ngày 04-4-2014, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Khi ký hợp đồng ông được phân công làm thợ hàn. Mức lương khởi điểm của ông là 3.800.000 đồng, đến trước khi nghỉ việc thì theo Phụ lục hợp đồng ngày 21-9-2016, ông được trả là 7.900.000 đồng/1 tháng. Ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng ông không bị kỷ luật và thực hiện đúng công việc, nhiệm vụ được giao.

Ông yêu cầu Công ty Q trả lương tháng 9, tháng 10/2016 là 15.800.000 đồng (tính theo mức lương cơ bản). Yêu cầu Công ty Q đóng và chốt bảo hiểm xã hội từ tháng 05-2015 đến tháng 11-2016, theo đúng quy định.

1.10 Nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:

Ông bắt đầu vào làm việc cho Công ty Q vào ngày 14-7-2014; tại thời điểm ký hợp đồng với thời hạn là 01 năm, sau khi hết thời hạn tôi ký tiếp hợp đồng xác định thời hạn là 01 năm. Ngày 07-8-2016, ông và Công ty Q giao kết bằng Hợp đồng lao động số Q01445 – 2016 ngày 07-8-2016, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Khi ký hợp đồng ông được phân công làm thợ phụ. Mức lương khởi điểm của ông là 3.000.000 đồng, đến trước khi nghỉ việc thì theo hợp đồng ngày 07-8-2016, ông được trả là 3.600.000 đồng/1 tháng. Ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng ông không bị kỷ luật và thực hiện đúng công việc, nhiệm vụ được giao.

Ông yêu cầu Công ty Q trả lương tháng 9, tháng 10/2016 + tiền phụ cấp và tăng ca là 9.700.000 đồng. Yêu cầu Công ty Q đóng và chốt bảo hiểm xã hội từ tháng 05-2015 đến tháng 11-2016, theo đúng quy định.

1.11 Nguyên đơn ông Nguyễn T trình bày:

Ông bắt đầu vào làm việc cho Công ty Q vào ngày 17-4-2014; tại thời điểm ký hợp đồng với thời hạn là 01 năm, sau khi hết thời hạn tôi ký tiếp hợp đồng xác định thời hạn là 01 năm. Ngày 14-8-2016, ông và Công ty Q giao kết bằng Hợp đồng lao động số Q01446 – 2016 ngày 14-8-2016, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Khi ký hợp đồng ông được phân công làm thợ phụ. Mức lương khởi điểm của ông là 3.000.000 đồng, đến trước khi nghỉ việc thì theo hợp đồng ngày 14-8-2016, ông được trả là 3.520.000 đồng/1 tháng. Ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng ông không bị kỷ luật và thực hiện đúng công việc, nhiệm vụ được giao.

Ông yêu cầu Công ty Q trả lương tháng 9, tháng 10/2016 + tiền phụ cấp và tăng ca là 9.171.000 đồng. Yêu cầu Công ty Q đóng và chốt bảo hiểm xã hội từ tháng 05-2015 đến tháng 11-2016, theo đúng quy định.

1.12 Nguyên đơn ông Trần Thanh T trình bày:

Ông bắt đầu vào làm việc cho Công ty Q vào ngày 05-12-2011; tại thời điểm ký hợp đồng với thời hạn là 01 năm, sau khi hết thời hạn tôi ký tiếp hợp đồng xác định thời hạn là 01 năm. Ngày 06-4-2013, ông và Công ty Q giao kết bằng Hợp

đồng lao động số Q00749 – 2013 ngày 06-4-2013, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Khi ký hợp đồng ông được phân công làm Khi ký hợp đồng tôi được phân công làm nhân viên kiểm tra NDT. Mức lương khởi điểm của tôi là 7.000.000 đồng, đến trước khi nghỉ việc thì theo phụ lục hợp đồng ngày 01/5/2016, ông được trả là 9.000.000 đồng/1 tháng. Ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng ông không bị kỷ luật và thực hiện đúng công việc, nhiệm vụ được giao.

Ông yêu cầu Công ty Q trả lương tháng 9, tháng 10/2016 + tiền phụ cấp và tăng ca là 22.305.000 đồng. Yêu cầu Công ty Q đóng và chốt bảo hiểm xã hội từ tháng 05-2015 đến tháng 11-2016, theo đúng quy định.

1.13 Nguyên đơn ông Nguyễn P trình bày:

Ông bắt đầu vào làm việc cho Công ty Q vào ngày 22-7-2009; tại thời điểm ký hợp đồng với thời hạn là 01 năm, sau khi hết thời hạn tôi ký tiếp hợp đồng xác định thời hạn là 01 năm. Ngày 21-7-2010, ông và Công ty Q giao kết bằng Hợp đồng lao động số 000120109 ngày 21-7-2010, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Khi ký hợp đồng ông được phân công làm nhân viên kho. Mức lương khởi điểm của ông là 3.000.000 đồng, đến trước khi nghỉ việc thì theo hợp đồng ngày 01-5-2016, ông được trả là 5.500.000 đồng/1 tháng. Ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng ông không bị kỷ luật và thực hiện đúng công việc, nhiệm vụ được giao.

Ông yêu cầu Công ty Q trả lương tháng 9, tháng 10/2016 + tiền phụ cấp và tăng ca là 12.195.000 đồng. Yêu cầu Công ty Q đóng và chốt bảo hiểm xã hội từ tháng 05-2015 đến tháng 11-2016, theo đúng quy định.

*1.14 Nguyên đơn ông **Vi Đại Trung K** trình bày:*

Ông bắt đầu vào làm việc cho Công ty Q vào ngày 13-01-2012; tại thời điểm ký hợp đồng với thời hạn là 01 năm, sau khi hết thời hạn tôi ký tiếp hợp đồng xác định thời hạn là 01 năm. Ngày 13-05-2014, ông và Công ty Q giao kết bằng Hợp đồng lao động số Q00667 ngày 13-05-2014, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Khi ký hợp đồng ông được phân công làm thợ vận hành cầu. Mức lương khởi điểm của ông là 3.200.000 đồng, đến trước khi nghỉ việc thì theo hợp đồng ngày 03-8-2016, ông được trả là 5.900.000 đồng/1 tháng. Ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng ông không bị kỷ luật và thực hiện đúng công việc, nhiệm vụ được giao.

Ông yêu cầu Công ty Q trả lương tháng 9, tháng 10/2016 + tiền phụ cấp và tăng ca là 14.000.000 đồng. Yêu cầu Công ty Q đóng và chốt bảo hiểm xã hội từ tháng 05-2015 đến tháng 11-2016, theo đúng quy định.

1.15 Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông bắt đầu vào làm việc cho Công ty Q vào ngày 25-7-2012; tại thời điểm ký hợp đồng với thời hạn là 01 năm, sau khi hết thời hạn tôi ký tiếp hợp đồng xác định thời hạn là 01 năm. Ngày 26-3-2014, ông và Công ty Q giao kết bằng Hợp đồng lao động số Q00602 ngày 26-3-2014, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Khi ký hợp đồng ông được phân công làm thợ vận hành máy. Mức lương khởi điểm của ông là 3.360.000 đồng, đến trước khi nghỉ việc thì theo hợp đồng ngày 26-02-2016, ông được trả là 5.000.000 đồng/1 tháng. Ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hằng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng ông không bị kỷ luật và thực hiện đúng công việc, nhiệm vụ được giao.

Ông Công ty Q trả lương tháng 9, tháng 10/2016 + tiền phụ cấp và tăng ca là 11.000.000 đồng. Yêu cầu Công ty Q đóng và chốt bảo hiểm xã hội từ tháng 05-2015 đến tháng 11-2016, theo đúng quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Võ Văn P, ông Lê Văn C, ông Vi Đại Trung K, ông Nguyễn Văn T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Q thanh toán tiền phụ cấp, tiền làm thêm giờ, tiền lương chờ việc, tiền trợ cấp mất việc. Yêu cầu tính toán tiền lương theo mức lương cơ bản được trả trước khi nghỉ việc.

Quá trình tố tụng bị đơn trình bày: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã triệu tập họp lệ đối với bị đơn theo đúng quy định tại nhưng Công ty Q không đến làm việc, không có văn bản trả lời và không cung cấp chứng cứ nên không ghi nhận được ý kiến.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492033000096 sửa đổi lần 3 ngày 08-7-2014 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cung cấp cho Tòa án, thì Công ty cổ phần thép Q có trụ sở tại Khu công nghiệp MX, huyện TT, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông DR, hiện nay Công ty Q chưa làm thủ tục giải thể hay phá sản.

Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo Phiên hòa giải, Thông báo Phiên họp kiểm tra giao nộp và tiếp cận công khai đánh giá chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho Công ty Q theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vẫn không có mặt làm việc, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình bày: Tính từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016 Công ty Q tiếp tục phát sinh nợ quỹ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 5.753.432.474 đồng ; Lãi chậm nộp: 1.516.262.883 đồng. Tổng số nợ Bảo hiểm xã hội của Công ty Q từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016 là 7.269.695.357 đồng. Trong đó tổng số nợ Bảo hiểm xã hội của Công ty Q đối với các ông Trần Quốc C, ông Lê Văn V, ông Lý Hoàng Thái H, ông Nguyễn Thanh C, ông Lê Ngọc A, ông Trần Vũ Hoàng L, ông Phạm Hồng C, ông Võ Văn P, ông Mai Hoàng S, ông Lê Văn C, ông Nguyễn T, ông Trần Thanh T, ông Nguyễn P, ông Vi Đại Trung K, ông Nguyễn Văn T, là 534,847,387 đồng, trong đó nợ quỹ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 423.292.611 đồng và nợ tiền lãi phát sinh do chậm nộp là 111,554,776 đồng. Bảo hiểm đã liên tục gửi thông báo, công văn nhắc nợ nhưng Công ty Q không thực hiện việc trả nợ. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Q thanh toán tiền bảo hiểm xã hội còn nợ là 655.234.584 đồng để Bảo hiểm thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm cho các nguyên đơn trên.

Người làm chứng bà Bùi Thị Th trình bày: Bà là kế toán của Công ty Q . Bà xác định Công ty Q hiện còn nợ 30% lương tháng 8 của nhân viên văn phòng, lương tháng 9, tháng 10 và 20 ngày lương của tháng 11-2016. Do không thanh toán tiền điện nên Công ty Q ngưng hoạt động từ giữa tháng 11 năm 2016. Các phiếu lương do người lao động cung cấp cho Tòa án do Phòng nhân sự phát hành cho người lao động (hàng tháng đều phát cho người lao động) tuy nhiên các phiếu lương đều không có dấu mộc và chữ ký của Giám đốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty Q phải thanh toán tiền nợ lương cho các nguyên đơn, về án phí Công ty Q phải nộp theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật*: Các đồng nguyên đơn khởi kiện Công ty cổ phần thép Quatron, trụ sở: Khu công nghiệp MX, huyện TT, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, yêu cầu thanh toán tiền nợ lương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp tiền lương và bảo hiểm xã hội”.

[2] *Về điều kiện khởi kiện*: Vụ án đã được Phòng lao động huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tổ chức hòa giải vào ngày 29 tháng 11 năm 2016 đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 201 Bộ luật lao động 2012.

[3] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng*: Đối với bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Thành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và bà Bùi Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[4] *Xét hợp đồng lao động giữa các đồng nguyên đơn và Công ty Q* :

Về hình thức và thẩm quyền giao kết hợp đồng: Các nguyên đơn và Công ty Q, đại diện ký hợp đồng là ông KM, tự nguyện giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản đúng theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 24 Bộ luật lao động.

Các nguyên đơn đủ điều kiện giao kết hợp đồng theo khoản 1 Điều 2 và khoản 1 Điều 3 Bộ luật lao động. Công ty Q, là người có nghĩa vụ chứng minh việc ông Kamal Asad có thẩm quyền giao kết hợp đồng lao động theo Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên cho đến phiên tòa sơ thẩm, Công ty Q không cung cấp chứng cứ phản bác cho Tòa án nên Hội đồng xét xử xác định ông Kamal Asad là người có thẩm quyền giao kết hợp đồng lao động của Công ty Q, theo điểm g, khoản 3, Điều 157 Luật doanh nghiệp, điểm a khoản 1 Điều 14 Thông tư 30/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động thương binh xã hội.

Vì vậy căn cứ Điều 22, Điều 25 Bộ luật lao động, Điều 1 của Hợp đồng lao động, Hội đồng xét xử xác định việc giao kết hợp đồng giữa các bên có hiệu lực pháp luật và loại hợp đồng đã ký là hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Về nội dung hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng:

Theo các chứng cứ gồm Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng lao động, Phiếu lương do nguyên đơn cung cấp là hoàn toàn phù hợp với những chứng cứ do Tòa án thu thập gồm các và các bản sao kê tài khoản có xác nhận ngân hàng từ tháng 01 năm 2016 đến tháng 8 năm 2016, bảng chi lương do Tòa án thu thập tại Công ty Q vào ngày 10-07-2017. Do đó Hội đồng xét xử xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có phát sinh quan hệ lao động, được thể hiện như sau:

Ông Trần Quốc C và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc nhân viên thu mua với mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 6.400.000 đồng/1 tháng.

Ông Lê Văn V và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc Tổ trưởng đội lắp với mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 10.800.000 đồng/1 tháng.

Ông Lý Hoàng Thái H và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc là nhân viên IT với mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 10.700.000 đồng/1 tháng.

Ông Nguyễn Thanh C và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc tổ trưởng đội an toàn với mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 8.500.000 đồng/1 tháng.

Ông Lê Ngọc A và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc thợ hàn với mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 6.160.000 đồng/1 tháng.

Ông Trần Vũ Hoàng L và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc kỹ sư thiết kế với mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 9.300.000 đồng/1 tháng.

Ông Phạm Hồng C và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc thợ lắp với mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 5.200.000 đồng/1 tháng.

Ông Võ Văn P và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc thợ lắp cửa với mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 5.500.000 đồng/1 tháng.

Ông Mai Hoàng S và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc thợ hàn với mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 7.900.000 đồng/1 tháng.

Ông Lê Văn C và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc thợ phụ với mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 3.600.000 đồng/1 tháng.

Ông Nguyễn T và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc thợ phụ với mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 3.520.000 đồng/1 tháng.

Ông Trần Thanh T và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc là QC kiểm tra chất lượng sản phẩm với mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 9.000.000 đồng/1 tháng.

Ông Nguyễn P và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc nhân viên kho và mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 5.500.000 đồng/1 tháng.

Ông Vi Đại Trung K và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc công nhân đóng hàng và mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 5.900.000 đồng/1 tháng.

Ông Nguyễn Văn T và Công ty Q ký hợp đồng không xác định thời hạn, với công việc trợ lý tổ trưởng và mức lương cơ bản trước khi nghỉ việc là 5.000.000 đồng/1 tháng.

Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên

Quá trình thực hiện hợp đồng của ông Trần Quốc C, ông Lê Văn V, ông Lý Hoàng Thái H, ông Nguyễn Thanh C, ông Lê Ngọc A, ông Trần Vũ Hoàng L, ông Phạm Hồng C, ông Võ Văn P, ông Mai Hoàng S, ông Lê Văn C, ông Nguyễn T, ông Trần Thanh T, ông Nguyễn P, ông Vi Đại Trung K, ông Nguyễn Văn T đã thực hiện đầy đủ nội dung và yêu cầu công việc theo hợp đồng lao động đã ký.

Quá trình thực hiện hợp đồng của Công ty Q thì thấy từ khi ký hợp đồng cho đến tháng 8/2016, Công ty Q thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Từ tháng 9 năm 2016 đến ngày 14 tháng 11 năm 2016, Công ty Q không trả lương cho người lao động. Ngày 14/11/2016, công ty ngưng hoạt động nhưng không thông báo cho người lao động. Như vậy phía Công ty Q đã vi phạm nghĩa vụ “*Bảo đảm việc làm, thanh toán đầy đủ, đúng hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng, cụ thể lương của người lao động được chuyển vào tài khoản cá nhân vào ngày 5 mỗi tháng*” được quy định tại Điều 3, Điều 4 Hợp đồng lao động, Điều 96 Bộ luật lao động và “*Trường hợp đặc biệt do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng không thể trả lương đúng thời hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động thì không được trả chậm quá 01 tháng*” được quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 05/2015/NĐ - CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ.

Về nguyên nhân và lỗi dẫn đến chấm dứt quan hệ lao động giữa các bên

Theo Công văn số 973/ĐLTT-KĐĐN ngày 03-7-2017 của Điện lực Tân Thành trả lời do Công ty Q nợ số tiền điện là 134.300.420đ nhưng không thanh toán nên đã bị ngừng cung cấp điện vào lúc 14 giờ 35 phút ngày 11-11-2016, Công văn số 01/2017/CV-HL ngày 03-7-2017 của Công ty CP dịch vụ và bảo vệ - vệ sĩ Huỳnh Long, là công ty bảo vệ cho Công ty Q, xác nhận do Công ty Q ngưng hoạt động nên người lao động bắt đầu nghỉ việc từ ngày 14-11-2016, Công văn số 411/BQL-ĐT ngày 03-4-2017 của Ban quản lý các khu công nghiệp IDICO, về việc Công ty Q tự ngưng hoạt động và không thông báo gì đến cơ quan chức năng. Theo lời trình bày của các nguyên đơn cũng như kê toán Công ty Q bà Bùi Thị Th thì Công ty Q lâm vào tình trạng khó khăn trong hoạt động kinh doanh từ giữa năm 2016. Từ tháng 8-2016 đến tháng 10-2016, Công ty Q duy trì hoạt động nhưng nợ lương người lao động, cụ thể: trong tháng 8-2016 nợ 30% lương nhân viên văn phòng, và nợ 100 % lương tháng 9, tháng 10-2016, và những ngày làm việc tháng 11-2016 đối với toàn bộ nhân viên công ty.

Như vậy từ ngày 11-11-2016, Công ty Q bị ngừng cung cấp điện dẫn đến người lao động không thể làm việc. Đến ngày 14-11-2016, công ty ngừng hoạt động nhưng Ban giám đốc Công ty Q không có bất kì thông báo hay quyết định nào báo cho phía nguyên đơn nên đã vi phạm theo điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 47 Bộ luật lao động. Xét Công ty Q đã không thực hiện đúng hợp đồng lao động là trả lương đúng kỳ hạn và đảm bảo điều kiện làm việc cho người lao động nên việc các nguyên đơn buộc phải nghỉ việc vào ngày 14-11-2017 là có lý do chính đáng theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 37 Bộ luật lao động, và lỗi dẫn đến chấm dứt quan hệ lao động hoàn toàn thuộc về phía Công ty Q.

Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn, chấm dứt quan hệ hợp đồng lao động giữa ông Trần Quốc C, ông Lê Văn V, ông Lý Hoàng Thái H, ông Nguyễn Thanh C, ông Lê Ngọc A, ông Trần Vũ Hoàng L, ông Phạm Hồng C, ông Võ Văn P, ông Mai Hoàng S, ông Lê Văn C, ông Nguyễn T, ông Trần Thanh T, ông Nguyễn P, ông Vi Đại Trung K, ông Nguyễn Văn T với Công ty Q, kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2016.

[5] Xét yêu cầu Công ty Q thanh toán tiền lương và bảo hiểm xã hội.

Về yêu cầu thanh toán tiền lương:

Nhận thấy theo Điều 1, Điều 2 của hợp đồng lao động đã ký giữa các bên quy định thời gian làm việc từ thứ 2 đến thứ 7 (không tính chủ nhật), tháng làm việc được tính từ ngày 21 tháng này đến ngày 20 tháng sau, trừ đi 4 ngày chủ nhật. Như vậy, thời gian làm việc từ ngày 21-10-2016 đến ngày 14-11-2016, được tính có 21 ngày. Căn cứ Điều 21, Điều 22 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn tiền lương, quy định: “*Tiền lương tháng được trả cho một tháng làm việc xác định trên cơ sở hợp đồng lao động*”, đồng thời điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ lao động thương binh xã hội, quy định: “*Tiền lương ngày được trả cho một ngày làm việc xác định trên cơ sở tiền lương tháng chia cho số ngày làm việc bình thường trong tháng theo quy định của pháp luật mà doanh nghiệp lựa chọn, nhưng tối đa không quá 26 ngày*”. Do đó việc Các nguyên đơn yêu cầu Công ty Q trả lương theo công thức: Lương tháng 9 và tháng 10 + 21 ngày làm việc tháng 11 (Lương: 26 ngày x 21 ngày), là phù hợp quy định pháp luật cũng như hợp đồng các bên đã ký nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Lê Văn V, ông Lý Hoàng Thái H, ông Nguyễn Thanh C, ông Lê Ngọc A, ông Trần Vũ Hoàng L, ông Phạm Hồng, ông Nguyễn T, ông Trần Thanh T, ông Nguyễn P yêu cầu Công ty Q thanh toán lương còn nợ dựa trên các phiếu lương (lương cơ bản + tiền phụ cấp và tăng ca) tháng 9, tháng 10-2016. Xét thấy tuy phía nguyên đơn chỉ cung cấp được phiếu lương là bản photo, không có dấu mộc hay chữ ký của Công ty Q, tuy nhiên đối chiếu với bản chính Bảng chuyển lương ngân hàng cho nhân viên Việt Nam tháng 9-2016, do bộ phận kế toán lập và có chữ ký của ông Kamal Asad cho thấy hoàn toàn phù hợp với số liệu trong các phiếu lương do người lao động cung cấp. Đồng thời phù hợp với lời khai “*các phiếu lương do người lao động cung cấp cho Tòa án do Phòng nhân sự phát hành*”

và các phiếu lương này phát hành đều không có dấu mộc và chữ ký của Giám đốc”, của bà Bùi Thị Th, kế toán Công ty Q .

Đối với Công ty Q có nghĩa vụ phải cung cấp các chứng cứ cho Tòa án nhưng không thực hiện nên theo điểm b khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định “*Đương sự là người lao động trong vụ án lao động mà không cung cấp, giao nộp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ, vì lý do tài liệu chứng cứ đó đang do người sử dụng lao động quản lý, lưu giữ thì người sử dụng lao động có trách nhiệm cung cấp, giao nộp tài liệu chứng cứ đó cho Tòa án...*”. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận các chứng cứ do phía nguyên đơn đã đưa ra.

Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận tính toán số tiền lương Công ty Q còn nợ các ông Lê Văn V, ông Lý Hoàng Thái H, ông Nguyễn Thanh C, ông Lê Ngọc A, ông Trần Vũ Hoàng L, ông Phạm Hồng C, ông Nguyễn T, ông Trần Thanh T, ông Nguyễn P , căn cứ trên Phiếu lương mà người lao động đã cung cấp. Đối với những người lao động yêu cầu tính lương của 21 ngày làm việc trong tháng 11-2016, sẽ được tính toán dựa theo mức lương cơ bản trước khi người lao động nghỉ việc.

Do ông Trần Quốc C và ông Mai Hoàng S, ông Võ Văn P, ông Lê Văn C, ông Vi Đại Trung K, ông Nguyễn Văn T chỉ yêu cầu Công ty Q thanh toán tiền lương còn nợ, dựa trên mức lương cơ bản các ông được trả trước khi nghỉ việc sau khi trừ đi 8% tiền Bảo hiểm xã hội, 1,5% bảo hiểm y tế, 1% Bảo hiểm thất nghiệp, là phù hợp theo hợp đồng đã ký kết và Quyết định 959/QĐ-BHXH ngày 09-9-2015 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, xét thấy các ông Võ Văn P, ông Lê Văn C, ông Vi Đại Trung K, ông Nguyễn Văn T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Q thanh toán tiền phụ cấp, tiền làm thêm giờ, tiền lương chờ việc, tiền trợ cấp mất việc nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên.

Vì vậy căn cứ Điều 37, Điều 90, Điều 96 Bộ luật lao động, điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ lao động thương binh xã hội, Điều 21, Điều 22 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc Công ty Q phải thanh toán tiền lương cho các nguyên đơn với số tiền được tính toán cụ thể như sau:

- Buộc Công ty Q trả cho ông **Trần Quốc C** số tiền lương (tính toán dựa trên mức lương cơ bản):

6.400.000 đồng x 30% lương tháng 8 + 6.400.000 đồng x 2 (tháng 9, tháng 10-2016) + (6.400.000 đồng : 26 ngày x 20 ngày công tháng 11) = 1.920.000 đồng + 12.800.000 đồng + 5.169.000 đồng = 19.889.000 đồng (mười chín triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng);

- Buộc Công ty Q trả cho ông **Lê Văn V** số tiền lương:

$13.112.500 + 13.129.900$ đồng (tháng 9, tháng 10-2016) = 26.242.400 đồng (hai mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng); Ông Vĩnh đề nghị làm tròn số tiền là 26.000.000 đồng nên ghi nhận .

- Buộc Công ty Q trả cho ông Lý Hoàng Thái H số tiền lương:

$10.700.000$ đồng x 30% lương tháng 8 + $10.700.000$ đồng x 2 (tháng 9, tháng 10-2016) + ($10.700.000$ đồng : 26 ngày x 21 ngày công tháng 11) = 24.610.000 đồng + 8.642.000 đồng = 33.252.000 đồng (ba mươi ba triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng); ông Hải đề nghị làm tròn là 33.000.000 đồng nên ghi nhận.

- Buộc Công ty Q trả cho ông Nguyễn Thanh C số tiền lương:

$12.571.000$ đồng + $13.180.000$ (lương tháng 9, tháng 10-2016) = 25.751.000 đồng (Hai mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi một nghìn đồng); Ông Chiến đề nghị làm tròn là 25.000.000 đồng nên ghi nhận.

- Buộc Công ty Q trả cho ông Lê Ngọc A số tiền lương:

$6.343.300 + 5.538.300$ (lương tháng 9, tháng 10-2016) + ($6.160.000$ đồng : 26 ngày x 21 ngày công tháng 11-2016) = $11.881.000$ đồng + $4.975.000$ đồng = 16.856.000 đồng (mười sáu triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng);

-Buộc Công ty Q trả cho ông Trần Vũ Hoàng L số tiền lương:

$9.300.000$ đồng x 30% lương tháng 8 + $10.914.967$ đồng tiền khám bệnh + $8.693.500 + 8.753.500$ (tháng 9, tháng 10-2016) + ($9.300.000$ đồng : 26 ngày x 21 ngày công tháng 11) = $5.894.000$ đồng + $17.446.000$ đồng + $6.692.000$ đồng + $10.914.967$ đồng tiền khám bệnh = $40.946.967$ đồng (bốn mươi triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng); Ông Lâm đề nghị làm tròn là 40.946.000 đồng nên ghi nhận.

- Buộc Công ty Q trả cho ông Phạm Hồng C số tiền lương:

$5.741.300$ đồng + $8.018.300$ đồng (lương tháng 9, tháng 10-2016) = 13.759.600 đồng (mười ba triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm đồng); Ông Chiến đề nghị làm tròn là 13.759.000 đồng nên ghi nhận.

- Buộc Công ty Q trả cho ông Võ Văn P số tiền lương (tính toán dựa trên mức lương cơ bản):

$5.500.000$ đồng x2 (lương tháng 9, tháng 10-2016) = 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng);

- Buộc Công ty Q trả cho ông Mai Hoàng S số tiền lương (tính toán dựa trên mức lương cơ bản):

$7.900.000$ đồng x 2 (lương tháng 9, tháng 10-2016) = 15.800.000 đồng (mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng);

- Buộc Công ty Q trả cho ông Lê Văn C số tiền lương (tính toán dựa trên mức lương cơ bản):

$3.600.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ (lương tháng 9, tháng 10-2016)} = 7.200.000 \text{ đồng}$ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng);

- Buộc Công ty Q trả cho ông **Nguyễn T** số tiền lương:

$4.326.000 \text{ đồng} + 4.845.900 \text{ đồng (lương tháng 9, tháng 10-2016)} = 9.171.900 \text{ đồng}$ (chín triệu một trăm bảy mươi một nghìn chín trăm đồng); Ông T đề nghị làm tròn là 9.171.000 đồng nên ghi nhận.

- Buộc Công ty Q trả cho ông **Trần Thanh T** số tiền lương:

$12.681.300 \text{ đồng} + 9.624.600 \text{ đồng (lương tháng 9, tháng 10-2016)} = 22.305.900 \text{ đồng}$ (chín triệu một trăm bảy mươi một nghìn chín trăm đồng); ông T đề nghị làm tròn 22.305.000 đồng nên ghi nhận.

- Buộc Công ty Q trả cho ông **Nguyễn P** số tiền lương:

$5.232.000 + 6.963.000 \text{ (lương tháng 9, tháng 10-2016)} = 12.195.000 \text{ đồng}$ (mười hai triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng);

- Buộc Công ty Q trả cho ông **Vi Đại Trung K** số tiền lương (tính toán dựa trên mức lương cơ bản):

$5.900.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ (lương tháng 9, tháng 10-2016)} = 11.800.000 \text{ đồng}$ (mười một triệu tám trăm nghìn đồng);

- Buộc Công ty Q trả cho ông **Nguyễn Văn T** số tiền lương (tính toán dựa trên mức lương cơ bản):

$5.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ (lương tháng 9, tháng 10-2016)} = 10.000.000 \text{ đồng}$ (mười triệu đồng).

Tổng số tiền lương Công ty Q phải thanh toán cho các nguyên đơn là 274.915.000 đồng (hai trăm bảy mươi tư triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng).

[6] Xét yêu cầu về đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của các nguyên đơn thì thấy:

Theo các chứng cứ của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cung cấp và xác nhận của người lao động thì hiện nay Công ty thép Quatron còn nợ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động từ tháng 01/2014 đến ngày 31/10/2016. Tuy nhiên ngày 29/5/2015 Tòa án nhân dân huyện Tân Thành đã ban hành quyết định số 18/2015/QĐST – LĐ với nội dung Công ty cổ phần thép Q có nghĩa vụ nộp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu số tiền 8.150.610.189 đồng, được chốt đến ngày 30/4/2015 trong đó có 19 nguyên đơn trong vụ án này. Hiện nay Công ty cổ phần thép Q tiếp tục phát sinh nợ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tính từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016 của 15 nguyên đơn với tổng số tiền là 655,234,484 đồng, tiền lãi phát sinh là 136,664,286 đồng.

Cụ thể số tiền Công ty cổ phần thép Qnợ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với 15 nguyên đơn trên như sau:

STT	Họ và tên	Từ tháng	Đến tháng	Mức lương	Tổng nợ BHXH, BHYT, BHTN	Trong đó			Lãi phát sinh do chậm nộp tính đến 31/10/2016	Tổng số nợ
						BHXH	BHYT	BHTN		
1	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11	12=7+11
1	Trần Quốc C	05/2015	04/2016	5,564,000	16,456,850	12,507,274	2,668,064	1,281,512	4,337,048	
		05/2016	10/2016	6,400,000	9,464,759	7,193,256	1,534,473	737,031	2,494,348	
					25,921,608	19,700,529	4,202,537	2,018,543	6,831,396	32,753,004
2	Lê Văn V	05/2015	05/2015	9,500,000	2,341,542	1,779,582	379,622	182,338	617,091	
		06/2015	05/2016	10,300,000	30,464,693	23,153,292	4,939,083	2,372,317	8,028,683	
		06/2016	10/2016	10,800,000	13,309,817	10,115,516	2,157,852	1,036,449	3,507,677	
					46,116,052	35,048,390	7,476,557	3,591,105	12,153,451	58,269,503
3	Lý Hoàng Thái H	05/2015	07/2016	9,700,000	35,862,563	27,255,696	5,814,212	2,792,655	9,451,240	
		08/2016	10/2016	10,700,000	7,911,947	6,013,112	1,282,723	616,112	2,085,119	
					43,774,510	33,268,808	7,096,935	3,408,767	11,536,359	55,310,869
4	Nguyễn Thanh C	05/2015	05/2015	7,000,000	1,725,347	1,311,271	279,722	134,355	454,699	
		06/2015	05/2016	7,500,000	22,183,029	16,859,193	3,596,420	1,727,415	5,846,128	
		06/2016	10/2016	8,500,000	10,475,319	7,961,286	1,698,309	815,724	2,760,672	
					34,383,695	26,131,750	5,574,451	2,677,494	9,061,499	43,445,193
5	Lê Ngọc A	05/2015	08/2015	4,500,000	4,436,606	3,371,839	719,284	345,483	1,169,226	
		09/2015	08/2016	5,600,000	16,563,328	12,588,198	2,685,327	1,289,804	4,365,109	
		09/2016	10/2016	6,160,000	3,036,610	2,307,836	492,310	236,464	800,270	
					24,036,544	18,267,873	3,896,921	1,871,751	6,334,605	30,371,149
6	Trần Vũ Hoàng L	05/2015	10/2016	9,300,000	41,260,433	31,358,099	6,689,341	3,212,993	10,873,798	
					41,260,433	31,358,099	6,689,341	3,212,993	10,873,798	52,134,232
7	Phạm Hồng C	05/2015	06/2015	4,000,000	1,971,825	1,498,595	319,682	153,548	519,656	
		07/2015	09/2015	4,300,000	3,179,567	2,416,484	515,487	247,596	837,945	
		10/2015	03/2016	4,600,000	6,802,795	5,170,153	1,102,902	529,741	1,792,813	
		04/2016	10/2016	5,200,000	8,971,803	6,818,607	1,454,552	698,644	2,364,434	
					20,925,990	15,903,839	3,392,623	1,629,529	5,514,847	26,440,838
8	Võ Văn P	05/2015	03/2016	4,700,000	12,742,918	9,684,670	2,065,943	992,304	3,358,276	
		04/2016	10/2016	5,500,000	9,489,407	7,211,988	1,538,469	738,950	2,500,844	
					22,232,324	16,896,658	3,604,412	1,731,254	5,859,119	28,091,444
9	Mai Hoàng S	05/2015	10/2016	7,500,000	33,274,543	25,288,790	5,394,630	2,591,123	8,769,192	
					33,274,543	25,288,790	5,394,630	2,591,123	8,769,192	42,043,735
10	Lê Văn C	05/2015	07/2015	3,000,000	2,218,303	1,685,919	359,642	172,742	584,613	
		08/2015	07/2016	3,200,000	9,464,759	7,193,256	1,534,473	737,031	2,494,348	
		08/2016	10/2016	3,600,000	2,661,963	2,023,103	431,570	207,290	701,535	
					14,345,025	10,902,278	2,325,685	1,117,062	3,780,496	18,125,521
11	Nguyễn T	05/2015	07/2015	3,000,000	2,218,303	1,685,919	359,642	172,742	584,613	
		08/2015	07/2016	3,200,000	9,464,759	7,193,256	1,534,473	737,031	2,494,348	
		08/2016	10/2016	3,520,000	2,602,809	1,978,145	421,980	202,683	685,946	

					14,285,870	10,857,320	2,316,094	1,112,456	3,764,906	18,050,777
12	Trần Thanh T	05/2015	05/2015	7,700,000	1,897,881	1,442,398	307,694	147,790	500,169	
		06/2015	05/2016	8,393,000	24,824,288	18,866,561	4,024,634	1,933,093	6,542,207	
		06/2016	10/2016	9,000,000	11,091,514	8,429,597	1,798,210	863,708	2,923,064	
					37,813,684	28,738,556	6,130,537	2,944,591	9,965,440	47,779,124
13	Nguyễn P	05/2015	05/2015	4,500,000	1,109,151	842,960	179,821	86,371	292,306	
		06/2015	09/2015	5,000,000	4,929,562	3,746,487	799,204	383,870	1,299,140	
		10/2015	10/2016	5,500,000	17,623,184	13,393,692	2,857,156	1,372,336	4,644,424	
					23,661,897	17,983,139	3,836,181	1,842,577	6,235,870	29,897,767
14	Vi Đại Trung K	05/2015	02/2016	4,400,000	10,845,036	8,242,272	1,758,250	844,514	2,858,107	
		03/2016	07/2016	4,900,000	6,038,713	4,589,447	979,025	470,241	1,591,446	
		08/2016	10/2016	5,900,000	4,362,662	3,315,641	707,296	339,725	1,149,739	
					21,246,412	16,147,361	3,444,571	1,654,480	5,599,292	26,845,703
15	Nguyễn Văn T	05/2015	06/2015	3,800,000	1,873,234	1,423,665	303,698	145,871	493,673	
		07/2015	02/2016	4,200,000	8,281,664	6,294,099	1,342,663	644,902	2,182,554	
		03/2016	10/2016	5,000,000	9,859,124	7,492,975	1,598,409	767,740	2,598,279	
					20,014,021	15,210,739	3,244,770	1,558,513	5,274,507	25,288,528
Tổng cộng					423,292,610	321,704,129	68,626,246	32,962,235	111,554,776	534,847,387

Căn cứ theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động đã ký kết giữa người lao động và người sử dụng lao động thì hàng tháng Công ty thép Quatron đã thu quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của 19 người lao động nhưng không nộp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Như vậy, Công ty thép Quatron đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng về trách nhiệm nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động và vi phạm Điều 17, Điều 18, Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các nguyên đơn cũng như quyền lợi của Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn đối với Công ty cổ phần thép Qvề việc buộc Công ty cổ phần thép Qphải đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho các nguyên đơn từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

Đối với Công ty Q trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng Công ty Q không có mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự cho Tòa án nên được coi từ bỏ quyền bảo vệ mình tại phiên tòa sơ thẩm.

[4] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của các nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên Công ty Q phải nộp án phí lao động sơ thẩm số tiền 274.915.000 đồng $\times 3\% = 8.247.450$ đồng (Tám triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 37, Điều 47, Điều 90, Điều 96 Bộ luật lao động; Điều 18, Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ lao động thương binh xã hội; Điều 21, Điều 22 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc C, ông Lê Văn V, ông Lý Hoàng Thái H, ông Nguyễn Thanh C, ông Lê Ngọc A, ông Trần Vũ Hoàng L, ông Phạm Hồng C, ông Mai Hoàng S, ông Nguyễn T, ông Trần Thanh T, ông Nguyễn P, về việc “Tranh chấp tiền lương và bảo hiểm xã hội”.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn P, ông Lê Văn C, ông Vi Đại Trung K, ông Nguyễn Văn T về việc “Tranh chấp tiền lương và bảo hiểm xã hội”.

2. Tuyên bố: Quan hệ lao động giữa ông Trần Quốc C, ông Lê Văn V, ông Lý Hoàng Thái H, ông Nguyễn Thanh C, ông Lê Ngọc A, ông Trần Vũ Hoàng L, ông Phạm Hồng C, ông Võ Văn P, ông Mai Hoàng S, ông Lê Văn C, ông Nguyễn T, ông Trần Thanh T, ông Nguyễn P, ông Vi Đại Trung K, ông Nguyễn Văn T với Công ty Q chấm dứt kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2016.

3. Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán toàn bộ tiền lương tháng 9, tháng 10 năm 2016 và 21 ngày lương làm việc trong tháng 11 năm 2016 cho các nguyên đơn, với số tiền cụ thể như sau:

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Trần Quốc C, số tiền lương chưa trả là 19.889.000 đồng (mười chín triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng);

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Lê Văn V, số tiền lương chưa trả 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng);

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Lý Hoàng Thái H số tiền lương chưa trả là 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng);

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Nguyễn Thanh C, số tiền lương chưa trả là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng);

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Lê Ngọc A, số tiền lương chưa trả là 16.850.000 đồng (mười sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng);

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Trần Vũ Hoàng L số tiền lương chưa trả là 40.946.000 đồng (bốn mươi triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng);

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Phạm Hồng C, số tiền lương chưa trả là 13.759.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng);

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Võ Văn P, số tiền lương chưa trả là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng);

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Mai Hoàng S, số tiền lương chưa trả 15.800.000 đồng (mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng);

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Lê Văn C, số tiền lương chưa trả là 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Nguyễn T, số tiền lương chưa trả là 9.171.000 đồng (chín triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng).

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông ông Trần Thanh T, số tiền lương chưa trả là 22.305.000 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm lẻ lăm nghìn đồng).

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Nguyễn P, số tiền lương chưa trả là 12.195.000 đồng (mười hai triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Vi Đại Trung K, số tiền lương chưa trả là 11.800.000 đồng (mười một triệu tám trăm nghìn đồng).

- Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T, số tiền lương chưa trả là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu Công ty Q thanh toán tiền phụ cấp, tiền làm thêm giờ, tiền lương chờ việc, tiền trợ cấp mất việc của ông Võ Văn P, ông Lê Văn C, ông Vi Đại Trung K, ông Nguyễn Văn T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Buộc Công ty cổ phần thép Q phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho các ông Trần Quốc C, ông Lê Văn V, ông Lý Hoàng Thái H, ông Nguyễn Thanh C, ông Lê Ngọc A, ông Trần Vũ Hoàng L, ông Phạm Hồng C, ông Võ Văn P, ông Mai Hoàng S, ông Lê Văn C, ông Nguyễn T, ông Trần Thanh T, ông Nguyễn P, ông Vi Đại Trung K, ông Nguyễn Văn T, từ ngày

01/5/2015 đến ngày 31/10/2016 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế. Công ty cổ phần thép Qcó trách nhiệm chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cho các nguyên đơn.

6. Về án phí lao động sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, Công ty cổ phần thép Qphải nộp án phí lao động sơ thẩm là 8.247.450 đồng (Tám triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với những người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND H.Tân Thành;
- THADS H. Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Bảo Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA